TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/DS-PT
Ngày: 21 - 6 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng;

Ông Lê Thành Tôn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5/2022 và ngày 21/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLPT-DS ngày 23/02/2022 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Th, sinh năm 1925 (Chết 19/5/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm:

1. Lê Văn Mol, sinh năm 1961 (Chết 06/12/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Mol:

1.1 Phạm Thị T, sinh năm 1964;

1.2. Lê Văn N, sinh năm 1983;

1.3. Anh Lê Văn N, sinh năm 1986;

1.4. Lê Văn T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị H, sinh năm 1965;

4. Lê Thị R, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Khóm 4, phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Lê Thị , sinh năm 1970;

6. Lê Thị B, sinh năm 1974;

7. Lê Thị N, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Phạm Hồng C, sinh năm 1954;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hồng C là: Bà Nguyễn Thị Nào, sinh năm 1958; Cùng địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nào là: Luật sư Lê Phi Tùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Văn M, sinh năm 1961 (Chết 06/12/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Mol:

2.1. Phạm Thị Th, sinh năm 1964;

2.2. Lê Văn N, sinh năm 1983;

2.3. Lê Văn N, sinh năm 1986;

2.4. Lê Văn T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Thị L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Lê Thị H, sinh năm 1965;

5. Lê Thị R, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Khóm 4, phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Lê Thị Â, sinh năm 1970;

7. Lê Thị B, sinh năm 1974;

8. Lê Thị N, sinh năm 1977;

9. Nguyễn Thị K, sinh năm 1926;

Cùng địa chỉ: Khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Phạm Hồng C là bị đơn và bà Lê Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở và bà Lê Thị Bình, đồng thời bà Nở, bà Bình cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày**:**

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Chữ (Bà nội của bà Bình và bà Nở). Bà Chữ có 04 người con gồm:

1. Lê Thị Bường (Đã chết);

2. Lê Thị Sẩm (Đã chết);

3. Lê Thị Sa (Đã chết);

4. Lê Văn Phẩm (Là cha của bà Bình và bà Nở, đã chết).

Khi bà Chữ còn sống bà đã chia cho đất cho bà Bường, bà Sẩm, bà Sa. Vào năm 1970 bà Chữ để lại phần đất diện tích ngang là 30m, dài là 79,5m cho ông Phẩm để thờ cúng ông bà, khi cho không lập di chúc.

Đến năm 2007 ông Phẩm chết thì đất này để lại cho bà Nguyễn Thị Trầm (Vợ ông Phẩm) quản lý, sử dụng. Hiện nay, bà Trầm chết thì bà Bình và bà Nở là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Ranh đất từ đất ông Hai Bậm tới đất Tư Mẩm đều cắm trụ đá ranh từ xưa đến nay.

Ngày 15/5/2020 bà Nở và bà Bình đi đăng ký quyền sử dụng đất thì Địa chính phường An Bình A cho hay đất là của ông Phạm Hồng C, chiều ngang là 3,7m, chiều dài 21,5m, tổng diện tích 79,55m^2. Nay chị, em bà yêu cầu ông Phạm Hồng C trả đất theo đo đạc thực tế 79,6m^2 thuộc một phần thừa 117, tờ bản đồ số 23 (Trong đó vị trí I có diện tích 31,5m^2 thuộc hành lang giao thông và vị trí II có diện tích 48,1m^2) đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho hai bà.

Chị em bà không đồng ý theo yêu cầu phản tố của ông Phạm Hồng C, vì phần đất này của cha mẹ các bà để lại, tính từ đường vào trại giam trước nhà của gia đình bà (Trước đây là đường đất để đi ra, vào. Sau này mới là đường đal như hiện nay, nhưng các bà không nhớ năm nào). Các bà có nghe cha mình nói lại là đường vào trại giam cũ mỗi người có một phần đất.

Năm 1997 gia đình bà mới cất nhà kiên cố, khoảng hơn 10 năm trước thì có làm thêm mái che và hàng rào như hiện nay. Khi cất thêm mái che và hàng rào gia đình ông C cũng không tranh chấp.

Đối với căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim nằm trên phần đất đang tranh chấp có diện tích 7,7 m^2 (Trong đó tại vị trí I diện tích 3,5m^2 nằm trong hành lang giao thông và tại vị trí II diện tích 4,4m^2) thì chị em bà thống nhất cho bà Kim tiếp tục ở đến khi bà qua đời, các bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết (Hiện nay bà Kim cũng không còn ở trên đất tranh chấp).

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Hồng C là bà Nguyễn Thị Nào và bà Nào cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trình bày:

Không thống nhất theo yêu cầu của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm. Vì nguồn gốc đất tranh chấp là vào năm 1990 ông C mua của ông Trần Văn Đấu (Chết) và anh Trần Văn Minh (Cháu ông Đấu) ngụ khóm An Hòa, phường An Bình A với diện tích 2 công tầm cắt. Khi mua đất trả tiền xong ông C có yêu cầu ông Đấu và anh Minh mời các chủ đất lân cận đến để chỉ ranh đất, cụ thể có tứ cận giáp: Đất ông Gom, đất ông Quí, đường nước tập đoàn (Có đường đi ngang khoảng 1m), đất ông Lê Văn On (Tự là Hai Bún), đất ông Lê Văn Phẩm. Khi ông Đấu bán đất thì trên đất có nhà của vợ chồng ông Tư Mù (Bà Kim) nhà theo ranh đất phía ngoài vào, nhà ông Què (Phía trong ra). Ông Đấu có xin ông C cho vợ chồng ông Tư Mù tiếp tục ở trên đất, ông C đồng ý. Hiện tại ông Què đã dời nhà đi nơi khác, vẫn còn nhà bà Kim (Nhưng bà Kim không còn ở).

Năm 1991 ông C cất nhà nấu rượu và nhà bếp cặp theo ranh đất của ông Phẩm. Lúc gia đình ông C cất nhà có sự thống nhất chỉ ranh của ông Phẩm từ mí lộ trở vào là 3,7m, dài là 21m. Đến năm 1992 ông C có cho ông Nguyễn Văn Tài (Làm việc ở trạm giam) cất nhà sinh sống tạm, có nhiều người chứng kiến. Ông Quí thì cho ông Cường (Làm việc ở trại giam) cất nhà trên đất của ông. Năm 1995 ông Tài và ông Cường di dời nhà đi nơi khác. Năm 1997 gia đình bà T mới vào cất nhà ở, cách lộ khoảng 7m, vài năm sau thì cất thêm mái hiên trước. Khi gia đình bà T cất thêm mái hiên và có lối đi ra đường đal ông C không tranh chấp, do tình làng nghĩa xóm và nghĩ ruộng trong nông ruộng ngoài nên cho gia đình bà T có lối đi.

Ông Phạm Hồng C yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm gồm: Bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và Lê Văn Nu di dời một phần mái hiên nhà và các vật kiến trúc trả cho ông C diện tích theo đo đạc thực tế diện tích 79,6m^2 (Trong đó vị trí I có diện tích 31,5m^2 thuộc hành lang giao thông; vị trí II có diện tích 48,1m^2 thuộc một phần thừa 117, tờ bản đồ số 23, tại khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự và đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông C vị trí II, diện tích 48,1m^2. Còn đối với vị trí I, diện tích 31,5m^2 là thuộc hành lang giao thông của Nhà nước nên bà không yêu cầu.

Đối với căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim có diện tích 7,7 m^2 đang ở trên phần đất tranh chấp thì bà thống nhất cho bà Kim ở tiếp tục đến khi qua đời, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết (Hiện nay bà Kim đã đi về nhà con ruột sinh sống, không còn ở trên phần đất tranh chấp).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu (Có đơn xin vắng mặt vắng mặt) trình bày:

Tất cả thống nhất theo trình bày của bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, không tranh chấp với các đương sự trong vụ án cũng không yêu cầu chia thừa kế và thống nhất giao cho bà Bình và bà Nở khởi kiện ông C, không trình bày gì thêm.

+ Bà Nguyễn Thị Kim (có đơn xin vắng mặt vắng mặt) trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có ở trên phần của ông Đấu, sau đó ông Đấu bán đất cho ông C và ông C tiếp tục cho vợ chồng bà ở. Hiện tại thì chồng bà đã chết, bà ở một mình khi nào bà qua đời sẽ trả lại đất cho ông C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (chết), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trầm (chết) là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol (chết), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu về việc yêu cầu ông Phạm Hồng C di dời các móng đá trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo đo đạc thực tế diện tích 79,6m^2 (trong đó vị trí I có diện tích 31,5m^2 thuộc hành lang giao thông; vị trí II có diện tích 48,1m^2 thuộc một phần thừa 117, tờ bản đồ số 23 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất tọa lạc tại khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Hồng C.

Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trầm (chết) là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol (chết) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu có nghĩa vụ liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng C với diện tích 48,1m^2 trong đó có một phần căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim có diện tích là 4,4m^2 (diện tích 7,4m^2 là đất thổ cư giá 500.000đồng/m^2; diện tích 40,7m^2 đất trồng cây lâu năm giá 220.000đồng/m^2) thành tiền 12.654.000đồng (mười hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Công nhận quyền sử dụng đất cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trầm (chết) là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol (chết), những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Mol là Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu có diện tích là 48,1m^2 (từ mốc 3,4,5, 6 trở lại mốc 3) thuộc một phần thừa 117, tờ bản đồ số 23 (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đất tọa lạc tại khóm An Lợi, phường An Bình A, Thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất nhà bà Nguyễn Thị T có cạnh dài 2,2 mét (từ mốc 4 đến mốc 5).

- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Quang Nhàn có cạnh dài 2,2 mét (từ mốc 3 đến mốc 6).

- Hướng Nam giáp bà Nguyễn Thị T có cạnh dài 21 mét (từ mốc 5 đến mốc 6).

- Hướng Bắc giáp phần đất thuộc hành lang giao thông có cạnh dài 21 mét (từ mốc 3 đến mốc 4).

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số: 06/2021/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ-TPHN, ngày 29/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H).

Buộc ông Phạm Hồng C có nghĩa vụ di dời bằng mọi hình thức các cây móng đá ra khỏi phần đất trên.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng theo quy định đối với diện tích đất theo Bản án đã tuyên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 25/8/2020 ông Phạm Hồng C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông, công nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 48,1m^2, thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 23 (đất chưa được cấp quyền sử dụng đất), đất tọa lạc tại khóm An Lợi, phường An Bình A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho ông là người sử dụng hợp pháp;

+ Bà Lê Thị Nở làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Phạm Hồng C di dời các trụ nóng đá trả lại phần đất cho bà từ mí lộ trở vào 3,7m dài 21m, tổng diện tích 79,55m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nở, ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Lê Thị Chữ để lại cho ông Phẩm có diện tích ngang 3,7m, dài 21,5m, diện tích 79,55m^2, đất có cắm trụ đá từ ranh đất ông Ngô Văn Bậm dài đến ranh đất ông Mẫn, nhưng căn cứ vào lời khai của những người làm chứng gồm:

+ Ông Ngô Văn Bậm khai nguồn gốc đất là của ông Nghè, sau này ông Nghè có chia ra cho 04 người anh em, trong đó có chia cho mẹ của ông Phẩm (Bà ba Chữ) nhưng không biết diện tích bao nhiêu. Phần đất hiện đang tranh chấp là của ai thì ông không rõ, nhưng theo ông biết đất này trước đây là của ông Đấu và ông Hồng, ông Minh là con của ông Tà Gỏn. Khi ông Tà Gỏn chết để đất lại cho ông Hồng và ông Minh. Đất của ông Minh và ông Đấu bán lại cho ông C, phần đất bán này giáp với đất của bà T. Sau đó ông C có cất một cái nhà nấu rượu giáp ranh đất của bà T (Hiện nay vẫn còn các cây móng đá và nhà bà Kim đã ở trước đó). Thời điểm này nhà bà T ở phía sau phần đất đang tranh chấp. Năm 1997 gia đình bà T cất lại nhà, nhưng cũng không nằm trên đất tranh chấp, chỉ khi xây thêm phần mái hiên phía trước nên mới dính một phần vào đất tranh chấp.

+ Ông Nguyễn Văn Lãm (Là bà con chú bác với bà Nở) cũng xác định nguồn gốc đất là của ông Nghè cho mẹ ông Phẩm một phần, thời điểm cho đất thì chưa có đường đi. Năm 1992 mới mở đường, khi làm đường thì lấy đất của ông Tà Gỏn để làm đường đi, còn khoảng 2m chiều nữa mới tới phần đất của gia đình bà T hiện nay.

+ Ông Nguyễn Quang Nhàn xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà T, hàng cây me nước cặp đường nước là đất của ông Đấu cách lộ đal 1m. Đến khoảng 1994-1995 bà T cất nhà, nhưng không nằm trên đất tranh chấp, khi đó đã có nhà của bà Kim và nguồn gốc đất tranh chấp hiện nay có một phần là đất ông Đấu, từ đường đal trở vào có chiều ngang 1m và ông Đấu đã bán cho ông C.

+ Ông Lê Thành Trung (Con rể ông Đấu) khai vào năm 1990 thì cha vợ ông có bán đất cho ông C, nhưng ông và vợ ông không rõ bán diện tích và giá bao nhiêu. Theo ông được biết khi ông Đấu bán thì đất có đường đal giáp với

phần đất tranh chấp hiện nay và trên đất có hàng cây me nước trở vào khoảng vài mét.

+ Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kim cũng xác định phần nhà của bà trên phần đất tranh chấp là của ông Đấu cho vợ chồng bà ở. Sau đó ông Đấu có bán đất cho ông C và ông C tiếp tục cho vợ chồng bà ở. Hiện tại thì chồng bà đã chết và bà cũng không còn ở trên phần đất này.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy phần đất tranh chấp tại vị trí II có diện tích 48,1m^2 thuộc một phần thừa 117, tờ bản đồ số 23 là của ông C mua của ông Đấu và ông Minh. Ngoài ra, phía Nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh phần đất tranh chấp là của mình.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trầm là có căn cứ.

[2] Xét phần đất tranh chấp có chiều dài 21m cặp theo đường lộ, chiều ngang 2,2m, diện tích 48,1m^2 ở phía bên kia đường đal so với nhà của ông C và không liền ranh với các thửa đất khác của ông C nên không thuận tiện cho ông C trong việc sử dụng đất. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nào đại diện cho ông C cũng xác định sẽ hiến cho Nhà nước phần đất này khi Nhà nước làm đường. Cho thấy phía ông C cũng không có nhu cầu sử dụng đất này. Mặt khác, phần đất tranh chấp nêu trên giáp với phần đất còn lại của bà T. Vì vậy, để đảm bảo cho việc sử dụng đất có hiệu quả Tòa án cấp sơ thẩm giao đất cho phía Nguyên đơn và buộc phía Nguyên đơn phải trả giá trị đất cho phía Bị đơn 12.654.000 đồng là có căn cứ.

[3] Theo Công Văn số 1971/UBND-HC ngày 28/7/2021 của UBND thành phố H thì diện tích 48,1m^2 đất nêu trên có thể được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nếu đất có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi người sử dụng đất phải đảm bảo các quy định tại Điều 100 và 101, Luật đất đai. Vì vậy, về xác định số thửa đất, mục đích sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật. Đương sự chịu trách nhiệm nộp các khoản thu của Nhà nước theo quy định của pháp luật (Nếu có).

Tại tòa án phúc thẩm, bà Nở và ông C cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nào đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, không chấp nhận kháng cáo của bà Nào, sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên.

[5] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nào và ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nào và ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Để thuận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Nở và ông Phạm Hồng C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Hồng C.

5. Buộc những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu có nghĩa vụ liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng C diện tích 48,1m^2 với số tiền là 12.654.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Buộc ông Phạm Hồng C phải di dời các móng đá và tài sản khác của mình (Nếu có) để giao cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu diện tích 48,1m^2 đất trong phạm vi các mốc 4, 3, 6, 5, 4, thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 23 tại khóm An Lợi, phường An Bình A, Thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

7. Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu được quyền sử dụng diện tích 48,1m^2 đất trong phạm vi các mốc 4, 3, 6, 5, 4, thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 23 tại khóm An Lợi, phường An Bình A, Thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H và Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp số: 06/2021/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ-TPHN, ngày 29/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H).

Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị

Lệ, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Về xác định số thửa đất, mục đích sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật. Đương sự chịu trách nhiệm nộp các khoản thu của Nhà nước theo quy định của pháp luật (Nếu có).

4. Về án phí:

+ Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu phải liên đới chịu 633.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lê Thị Nở phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0006471 ngày 28/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

+ Ông Phạm Hồng C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do là người cao tuổi.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trầm là bà Lê Thị Nở, bà Lê Thị Bình, bà Lê Thị Hồng, bà Lê Thị Ấm, bà Lê Thị Lệ, bà Lê Thị Rồi và ông Lê Văn Mol, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng ông Mol là bà Phạm Thị Thu, anh Lê Văn Tiền, anh Lê Văn Na và anh Lê Văn Nu phải chịu 3.032.000 đồng (Đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sựï;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt